

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2024 và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trong quá trình giải quyết vụ án: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Nguyễn Văn T: Sau khi kết hôn nhận thấy cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn, anh T không có ý thức chăm lo cho gia đình, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2024 đến nay. Từ thời gian đó, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về tình cảm xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung: Chị có nguyện vọng để anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018 cho đến

khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với chị N, những mâu thuẫn không lớn đến mức cả hai phải ly hôn, và anh vẫn mong muốn được đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thì chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân có xuất hiện mâu thuẫn và cả hai đã ly thân được một thời gian.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N, về con chung anh đồng ý nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn có mặt tại phiên tòa. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Và xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau; sau khi kết hôn hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2024. Trong thời gian sống ly thân, các bên không tìm lại được tiếng nói chung, không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị N đều thống nhất được việc giao con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018, đồng thời anh T có nơi cư trú ổn định. Do đó, giao các con chung là cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu theo yêu cầu của chị N là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[2.4] Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/5/2018 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 10006057 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký*)

Nguyễn Thế Thắng

